

TÒA ÁN NHÂN DÂN
huyện D
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-4-2023
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI L – TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông K' My Na.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Ngọc Hà;
2. Bà Lê Thị Chung.

Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Thu Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di L tham gia phiên tòa : Ông K' Dem- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện D . Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 03-01-2023 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 03-3-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30-3-2023 của Tòa án nhân dân huyện Di L giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Quách Thị V, sinh 1982.
Địa chỉ: Số 81 thôn 7, xã T huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

+ Bị đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Số 81 thôn 7, xã T huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bà V có mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn Bà V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T tự nguyện kết hôn năm 2003, đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T hay rượu chè, về nhà chửi bới vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 04 con chung tên Bùi Quỳnh Ph , sinh năm 2004; Bùi Mai A , sinh ngày 27-01-2008; Bùi Kiều L , sinh ngày 29-10-2009 và Bùi Mỹ Nh , sinh ngày 19-5-2016, hiện cháu Phương đã trưởng thành hoàn toàn khỏe mạnh. Khi ly hôn bà theo nguyện vọng của các con ở với ai thì ở.

Về tài sản: Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản cho vay chung không có.

Tài sản nợ chung: Nợ ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch Di L số tiền 65.000.000đ. Khi ly hôn bà chịu trách nhiệm trả số nợ trên.

Bị đơn Ông Bùi Văn T đã được thông báo hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt nên không có ý kiến. Tuy nhiên tại biên bản ghi lời khai ngày 03-01-2023 ông T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và Bà V tự nguyện kết hôn năm 2003, đăng ký kết hôn tại UBND xã M , huyện L , tỉnh Hòa Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng sống không tin tưởng lẫn nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Bà V xin ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Ông và Bà V có 04 con chung tên Bùi Quỳnh Ph , sinh năm 2004; Bùi Mai A , sinh ngày 27-01-2008; Bùi Kiều L , sinh ngày 29-10-2009 và Bùi Mỹ Nh , sinh ngày 19-5-2016, hiện cháu Phương đã trưởng thành hoàn toàn khỏe mạnh. Khi ly hôn ông xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu Bà V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản cho vay chung không có.

Tài sản nợ chung: Nợ ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch Di L số tiền 65.000.000đ. Khi ly hôn mỗi người trả một nửa số nợ trên.

Người liên quan đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện D , tỉnh Lâm Đồng có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Phía bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án, căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Bà V được ly hôn ông T và giao con chung cho Bà V trực tiếp nuôi dưỡng.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Ông Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Căn cứ

Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông T tự nguyện kết hôn năm 2003, đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống không tin tưởng lẫn nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có ý kiến tuy nhiên tại bản tự khai ngày 03-01-2023 ông T cùng xác định vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, Bà V xin ly hôn ông đồng ý. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà V và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Bà V được ly hôn ông T là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà V xác định, bà và ông T có 04 tên Bùi Quỳnh Ph, sinh năm 2004; Bùi Mai A, sinh ngày 27-01-2008; Bùi Kiều L, sinh ngày 29-10-2009 và Bùi Mỹ Nh, sinh ngày 19-5-2016, hiện cháu Phương đã trưởng thành hoàn toàn khỏe mạnh. Khi ly hôn bà theo nguyện vọng của con ở với ai thì ở, các con ở với bà thì bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. ông T cùng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Bà V cấp dưỡng nuôi con nhưng lại vắng mặt. Xét quyền lợi của con, để đảm bảo và ổn định cuộc sống của con, khả năng nuôi dưỡng con của mỗi bên cũng như nguyện vọng của các con. Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung cho Bà V trực tiếp nuôi dưỡng. ông T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4] Về tài sản: Bà V xác định, tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận. Tài sản cho vay chung: Không có. ông T lại vắng mặt không có ý kiến. Khi ly hôn Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết về tài sản. Nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[5] Tài sản nợ chung: Bà V xác định, vợ chồng có nợ ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch Di L số tiền 65.000.000đ. Khi ly hôn bà chịu trách nhiệm trả số nợ trên. Tại biên bản ghi lời khai ngày 03-01-2023 ông T cùng xác định có nợ và đề nghị mỗi người trả một nửa số nợ trên. Người liên quan đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[6] Về án phí : Căn cứ Điều 144; Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Quách Thị V được ly hôn Ông Bùi Văn T .

Về con chung: Giao các con chung tên Bùi Mai A , sinh ngày 27-01-2008; Bùi Kiều L , sinh ngày 29-10-2009 và Bùi Mỹ Nh , sinh ngày 19-5-2016 cho Bà Quách Thị V trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Bùi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí: Bà Quách Thị V phải chịu 300.000đ án phí xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007037 ngày 03-01-2023 của Chi cục thi án dân sự huyện D (Đã nộp đủ án phí).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND huyện D ;
- Chi cục THADS huyện D ;
- Đương sự;
- UBND xã M , L , Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

K' My Na